

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2016/QĐ-UBND

*Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2016*

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 01-01-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 02

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật  
về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BTP ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 64/TTr-STP ngày 15/8/2016 về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra)
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo TQ, Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và công báo;
- TP, PTP, CV khối NCTH;
- Lưu: VT, NC (P.Hà)

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Huân**

## QUY CHẾ

### Phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2016/QĐ-UBND  
ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, hình thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong việc thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Những nội dung liên quan đến quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không được quy định tại Quy chế này, thì thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện.
4. Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính; người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.
5. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan theo quy định của pháp luật.

3. Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

4. Việc phối hợp phải được thực hiện kịp thời, chính xác, chặt chẽ, hiệu quả.

#### **Điều 4. Nội dung phối hợp**

1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

6. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính; báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

7. Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc phức tạp.

8. Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính.

#### **Điều 5. Hình thức phối hợp**

1. Trao đổi ý kiến, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

2. Tổ chức họp, hội nghị về xử lý vi phạm hành chính.

3. Sơ kết, tổng kết công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP**

**Điều 6. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền, hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành của trung ương và thực hiện chức năng quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh;

c) Tổng hợp chung trên địa bàn tỉnh về các vướng mắc, bất cập, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì theo dõi việc thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi chức năng, lĩnh vực quản lý để kịp thời phát hiện các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, kiến nghị bằng văn bản với Bộ, ngành chủ quản, đồng thời gửi văn bản kiến nghị về Sở Tư pháp để tổng hợp theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này.

3. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì soạn thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo phân cấp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương;

b) Tổng hợp các vướng mắc, bất cập, các quy định không khả thi, mâu thuẫn, chồng chéo trong các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gửi Sở Tư pháp tổng hợp.

## **Điều 7. Phối hợp xây dựng và thực hiện Kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp:

a) Hàng năm, xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh và chủ trì triển khai tổ chức thực hiện Kế hoạch sau khi ban hành;

b) Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi, báo cáo và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch;

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tiến độ thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ, Ngành trung ương để tổ chức thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo lĩnh vực quản lý; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này, trừ trường hợp báo cáo đột xuất hoặc báo cáo theo chuyên đề theo yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình tại địa bàn có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

### **Điều 8. Phối hợp phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp:

a) Phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính đến cán bộ, nhân dân;

b) Đăng tải đầy đủ Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;

c) Tập huấn thẩm quyền, trình tự, thủ tục chung về xử phạt vi phạm hành chính cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức phổ biến, tuyên truyền pháp luật; tập huấn chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính theo lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tới cán bộ, nhân dân trên địa bàn; tổ chức tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

### **Điều 9. Phối hợp kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quyết định kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý liên ngành đang có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập hoặc đối với vụ việc phức tạp quy định tại Điểm c và d Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; đồng thời chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức thực hiện quyết định kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về kết quả kiểm tra;

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; phòng, ban, cơ quan cấp huyện có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập;

3. Cơ quan, cá nhân là đối tượng được kiểm tra có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến nội dung kiểm tra cho Đoàn kiểm tra; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra.

**Điều 10. Phối hợp quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**

1. Sở Tư pháp:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Các cơ quan, người có thẩm quyền thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính thực hiện việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

**Điều 11. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính; báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính**

1. Phối hợp thống kê về xử lý vi phạm hành chính

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thống kê; cung cấp thông tin, số liệu thống kê thuộc phạm vi quản lý cho Sở Tư pháp để tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Phối hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi báo cáo định kỳ công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý về Sở Tư pháp trước ngày 05 tháng 4 đối với báo

cáo định kỳ 06 tháng; trước ngày 05 tháng 10 đối với báo cáo hàng năm, để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Sở Tư pháp ngoài việc thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điểm a Khoản này, có trách nhiệm:

- Theo dõi, tổng hợp số liệu xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật và Quy chế này;

- Xây dựng dự thảo báo cáo tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng 4 đối với báo cáo 6 tháng; trước ngày 15 tháng 10 đối với báo cáo năm.

c) Nội dung, thời điểm lấy số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

**Điều 12. Phối hợp tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các vụ việc phức tạp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch**

1. Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp quy định tại Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện mà còn có những quan điểm chưa thống nhất trong việc xử phạt vi phạm hành chính, thì người đứng đầu cơ quan lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có thể quyết định việc trao đổi, lấy ý kiến của Sở Tư pháp (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), hoặc Phòng Tư pháp (đối với vụ việc thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) và phải dành thời gian ít nhất là 03 (ba) ngày để Sở Tư pháp hoặc Phòng Tư pháp nghiên cứu hồ sơ vụ việc.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định triệu tập họp để lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan.

**Điều 13. Phối hợp giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính**

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

2. Đối với vụ việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thì Chủ tịch quyết định giao cho một cơ quan chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xác minh và tham mưu giúp Chủ tịch giải quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.



Cơ quan chủ trì có trách nhiệm cung cấp hồ sơ vụ việc cho cơ quan phối hợp để nghiên cứu, tham gia ý kiến. Cơ quan phối hợp có trách nhiệm cử lãnh đạo, cán bộ, công chức phối hợp nghiên cứu tham mưu giải quyết vụ việc.

### **Chương III**

## **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 14. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách Nhà nước cấp theo phân cấp quản lý ngân sách.

2. Sở Tài chính tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách.

#### **Điều 15. Trách nhiệm thi hành**

1. Người đứng đầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi lĩnh vực thẩm quyền quản lý có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Tư pháp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Minh Huấn**